

BÀI 14

CON HỔ CÓ NGHĨA

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được giá trị của đạo làm người trong truyện *Con hổ có nghĩa* ;
- Sơ bộ hiểu được trình độ viết truyện và cách viết truyện hư cấu ở thời trung đại ;
- Kể lại được truyện.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý (chung cho cả cụm bài IV : *Truyện trung đại*)

1. Hiểu thêm các thuật ngữ : *trung đại, truyện và truyện trung đại.*

- *Trung đại* : là một thuật ngữ có tính chất quy ước, mà gần đây được nhiều người sử dụng để chỉ một thời kì lịch sử và cũng là thời kì văn học từ thế kỉ X (sau chiến thắng của Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng năm 938) đến cuối thế kỉ XIX. *Thuật ngữ có tính chất quy ước* có nghĩa là thuật ngữ do chủ quan một số nhà nghiên cứu tự định ra để sử dụng mà chưa hẳn là một thuật ngữ được mọi người công nhận.

- *Truyện* : là một khái niệm có nội dung khá phong phú và cũng khá phức tạp. Ở đây, tạm dùng ở cách giới thuyết đơn giản nhất nhưng cũng là cơ bản được ghi trong *Từ điển văn học* (tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984) như sau :

"Thuộc loại tự sự – có hai thành phần chủ yếu là cốt truyện và nhân vật. Thủ pháp nghệ thuật chính là kể. Truyện thừa nhận vai trò rộng rãi của hư cấu và tưởng tượng. Tùy theo nội dung phản ánh, dung lượng, chủ thể sáng tạo cụ thể mà truyện được chia thành nhiều loại : truyện dân gian, truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài (cũng gọi là tiểu thuyết), truyện Nôm, truyện Nôm khuyết danh, ...".

- *Truyện trung đại* : Truyện trung đại, dĩ nhiên là thuộc thể loại truyện nói chung, nhưng tự nó cũng có những nét riêng. Vậy truyện trung đại là gì ? Đó là điều cần được giới thuyết, nhưng thực ra cho đến nay, các nhà nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam cũng chưa dễ gì đưa ra được một lời giới thuyết khả dĩ đầy đủ, được mọi người công nhận. Có tình trạng đó, không hẳn là do sự bất lực của các nhà khoa học mà trước hết là do tính phức tạp của bản thân đối tượng – cái được gọi là "truyện trung đại". Ở đây, cũng lại tạm ghi nhận những điều mang tính phổ biến, để được chấp nhận như sau :

– Ở Việt Nam, trong thời trung đại, đã ra đời và phát triển thể loại truyện với những tác phẩm thường được nhắc đến như : *Việt điện u linh tập* (Lý Tế Xuyên), *Thiên uyển tập anh ngữ lục* (khuyết danh), *Lĩnh Nam chích quái lục* (Trần Thế Pháp), *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trừng), *Thánh Tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Truyền kì tân phả* (Đoàn Thị Điểm), *Tang thương ngẫu lục* (Nguyễn Án và Phạm Đình Hổ), ...

– Các truyện trung đại ở Việt Nam nói trên đều được viết bằng văn xuôi chữ Hán. Bên cạnh truyện văn xuôi chữ Hán, có truyện Nôm – truyện ngắn bằng văn vần và viết bằng chữ Nôm (tức bằng tiếng Việt). Đến cuối thế kỉ XIX mới bắt đầu có truyện văn xuôi tiếng Việt viết bằng chữ quốc ngữ mà tác phẩm thường được coi như mở đầu là *Truyện thầy Lazarô Phiền* (Nguyễn Trọng Quản, 1887), ...

– Truyện trung đại tồn tại và phát triển trong môi trường văn học trung đại có quy luật Văn, Sử bất phân (Văn và Sử chưa tách khỏi nhau) ; Văn, Triết bất phân (Văn và Triết chưa tách khỏi nhau) ; do đó trong truyện vẫn thường có sự đan xen giữa yếu tố Văn và yếu tố Sử, yếu tố Triết, sự đan xen giữa hai kiểu *tư duy hình tượng* và *tư duy luận lí* (còn gọi là tư duy lôgic, tư duy khái niệm). Truyện thường vẫn pha *tính chất kí* (thể loại ghi chép sự việc, sự kiện, dựa trên cơ sở người thật việc thật) mặc dầu đã là truyện thì ít nhiều vẫn có cốt truyện và nhân vật. Tất nhiên, một số tác phẩm tiêu biểu như *Truyện kì mạn lục*, truyện đã trở nên hoàn chỉnh. Với tác phẩm này, vai trò của hư cấu, tưởng tượng trong nghệ thuật đã chiếm vị trí cốt lõi, chủ công.

– Trong truyện trung đại, *cốt truyện giữ một vị trí quan trọng* mặc dù trình độ xây dựng cốt truyện nói chung còn đơn giản. Cách kết cấu truyện thường là đơn tuyến về trật tự thời gian (trước sau). Trong cốt truyện có nhân vật nhưng tính cách của nhân vật hiện lên chủ yếu là qua lời kể của người dẫn chuyện và qua hành động, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Sự phân tích thế giới nội tâm, ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật, nhìn chung còn hiếm. Với loại truyện được viết theo phương thức như đã nêu trên, chi tiết nghệ thuật, ngôn ngữ đối thoại của nhân vật đòi hỏi phải có hàm lượng tư tưởng nghệ thuật phong phú, sâu sắc để hấp dẫn người đọc. Về chi tiết nghệ thuật : Bên cạnh loại chi tiết chân thực lấy từ cuộc sống, truyện trung đại thường hay sử dụng loại chi tiết kì, hoang đường.

Lưu ý : Trong các truyện được học ở cụm bài IV này, riêng truyện *Mẹ hiền dạy con* không phải của Việt Nam mà của Trung Quốc (trích trong sách *Liệt nữ truyện*, ra đời trước thời trung đại ở Việt Nam rất lâu) nhưng vẫn có mặt ở đây, bởi lẽ nó được viết theo phương thức nghệ thuật về cơ bản giống như truyện trung đại Việt Nam.

2. Nắm chắc yêu cầu của các bài giảng

Trong SGK, ở mỗi truyện trung đại đã có nêu *Kết quả cần đạt* riêng cho phần Văn. GV hãy đọc kĩ lời chỉ dẫn đó, nhưng cần phải tiếp tục tự mình tìm hiểu văn bản, tự mình tìm cách giải đáp những câu hỏi được nêu trong SGK để rồi quay lại suy nghiệm thêm về *Kết quả cần đạt* trước khi giảng bài. Phải qua một hệ thống thao tác như thế mới gọi là hiểu đúng, hiểu sâu yêu cầu cần giúp HS đạt tới ở mỗi bài học.

3. Tìm hiểu ý đồ của SGK được thể hiện trong hệ thống câu hỏi hướng dẫn *Đọc – hiểu văn bản*

Cần thấy rằng, người viết SGK khi đưa ra những câu hỏi nhằm hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản là ít nhiều đều xuất phát từ cách hiểu riêng của mình đối với tác phẩm cụ thể, mà ở đây không dễ gì có sự thống nhất hoàn toàn với người khác. Tính phức tạp, tính chủ quan, tính linh động trong việc tiếp nhận tác phẩm văn chương đã gây nên tình trạng đó. GV khi sử dụng SGK cần có bản lĩnh (chứ không phải là sự bất chấp, tùy tiện) trong việc tiếp nhận những ý kiến được nêu ra. Ở đây, riêng với những văn bản thuộc loại *truyện trung đại*, cần chú ý mấy điểm sau :

– Đối chiếu nội dung giới thuyết về *truyện trung đại* đã được nêu lên trong chú thích (★) (tr. 143) bài *Con hổ có nghĩa* (kể cả phần giới thuyết được nêu thêm ở trên) với tác phẩm cụ thể, với hệ thống câu hỏi được nêu trong mục *Đọc – hiểu văn bản* để nâng cao tính tự giác trong nhận thức về giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm, nhằm đạt kết quả giảng dạy cao.

– Trong khi tìm hiểu tác phẩm, có nhiều điểm cần được chú ý, nhưng điểm cần được ưu tiên hàng đầu chính là nắm được chủ đề của tác phẩm và cơ chế nghệ thuật bao trùm của tác phẩm là gì. Tránh tình trạng chỉ thấy cây mà không thấy rừng, sa vào phân tích chi tiết một cách rời rạc mà không hướng đúng vào giá trị bản chất nhất của tác phẩm. Để có năng lực chiếm lĩnh tác phẩm ở cấp độ bản chất như thế, đòi hỏi GV không chỉ trau dồi năng lực cảm thụ như thường nói mà còn cả năng lực tư duy trừu tượng khoa học (ở đây là năng lực nhận thức được đúng đắn mối quan hệ giữa tổng thể và bộ phận, mối quan hệ trừu tượng giữa các chi tiết nghệ thuật trong một tác phẩm nghệ thuật để biết đâu là chi tiết chủ công chi phối các chi tiết khác).

– Trong bài *Mẹ hiền dạy con* xuất hiện một hình thức câu hỏi có phần nào mới lạ so với hình thức câu hỏi lâu nay vẫn có trong các SGK. Đó là việc yêu cầu HS vẽ bảng mẫu để rồi ghi tóm tắt năm sự việc đã xảy ra giữa mẹ con thầy Mạnh Tử. Ý nghĩa của cách làm trên chính là muốn bước đầu luyện cho HS một tác phong làm việc có bài bản và khả năng lập biểu đồ kiến thức. Cách làm này tuy đơn giản, dễ làm nhưng sẽ nâng cao khả năng nhớ kiến thức của HS THCS, nhất là HS lớp 6.

4. Văn bản *Con hổ có nghĩa* được dạy trong một tiết. GV cần dành một lượng thời gian hợp lí để giúp HS hiểu được ít nhiều các khái niệm : *trung đại, truyện,*

truyện trung đại Việt Nam đã được nêu ở SGK (đặc biệt là ở mục 1, phần II – Những điều cần lưu ý trên đây) trước khi giảng văn bản *Con hổ có nghĩa*.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

– *Con hổ có nghĩa* là tác phẩm của Vũ Trinh (1759 – 1828). Ông quê làng Xuân Lan, huyện Lang Tài, trấn Kinh Bắc (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), đỗ hương cống (cử nhân) năm 17 tuổi, làm quan dưới thời nhà Lê và thời nhà Nguyễn.

– Các tác gia thời trung đại rất đề cao đạo lí trong văn chương. Bài *Con hổ có nghĩa* của Vũ Trinh sẽ học sau đây là một ví dụ.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Hoạt động 1

– Trước hết, GV dựa vào chú thích (★) ở bài *Con hổ có nghĩa* (SGK, tr. 143) và mục 1, phần II – *Những điều cần lưu ý* (SGV, tr. 196 – 197) nói qua thế nào là *trung đại*, là *truyện* và *truyện trung đại Việt Nam* (Cách dạy : Có thể gọi HS đọc chú thích và yêu cầu nói lại ý chính. Cũng có thể GV thuyết giảng, nói thêm một số điều mà SGK chưa nêu nhưng SGV có đề cập, coi như phần mở đầu của bài giảng.)

– Yêu cầu HS nhận diện thể loại tác phẩm theo sự gợi ý : Đó là truyện vì đã có cốt truyện và nhân vật thông qua lời kể. Tiếp đó, GV yêu cầu HS tìm bố cục và nội dung từng đoạn.

Hoạt động 2. GV hướng dẫn HS phân tích cái *nghĩa* của con hổ thứ nhất qua câu chuyện đã xảy ra giữa hổ và bà đỡ Trần (ở huyện Đông Triều) theo sự gợi ý sau : Đó là chuyện hổ xông tới công bà đỡ Trần đến đỡ đẻ cho hổ cái và sau khi được bà đỡ Trần giúp đỡ, đã đền ơn bằng cách tặng bà một cục bạc để bà sống qua năm mất mùa đói kém. Cái hay ở đây là tác giả đã biết vận dụng sinh động biện pháp nghệ thuật nhân cách hoá, làm cho hình tượng con hổ trở nên như một con người, không chỉ biết đền ơn đáp nghĩa với người làm ơn cho mình mà còn có nhiều phương diện khác mang tính người đáng quý : hết lòng với hổ cái trong lúc sinh đẻ, táo bạo trong hành động có mục đích chính đáng, vui mừng khi có con, lễ phép, tấm tình lưu luyến trong phút chia tay ân nhân, ...

Hoạt động 3. GV hướng dẫn HS phân tích cái *nghĩa* của con hổ thứ hai qua câu chuyện đã xảy ra giữa hổ và người kiếm củi (ở huyện Lạng Giang) theo sự gợi ý sau : Đó là chuyện hổ bị hóc xương được bác tiểu móc xương cứu sống. Hổ đền ơn đáp nghĩa bác tiểu. Bác tiểu qua đời, hổ còn đến bên quan tài tỏ lòng thương xót và sau đó, mỗi dịp giỗ bác tiểu, hổ lại đem dê hoặc lợn đến tế. Ở đây, cũng dùng biện pháp nhân cách hoá nhưng lại có các chi tiết nghệ thuật khác để tạo ra một sự hấp dẫn mới, trong đó có việc diễn tả tình huống gay go của hổ khi bị hóc xương, cách xử sự táo bạo và nhiệt tình của bác tiểu trong khi cứu hổ, việc trả ơn và tấm lòng thuỷ chung bền vững của hổ đối với ân nhân.

Hoạt động 4. GV hướng dẫn HS so sánh mức độ thể hiện cái *nghĩa* giữa hai con hổ. Từ đó, phân tích ý nghĩa của việc truyện tả một lúc hai con hổ chứ không chỉ một. Hướng kết luận : Có sự nâng cấp trong khi nói về cái *nghĩa* của con hổ sau so với con hổ trước : hổ trước đền ơn một lần là xong ; hổ sau đền ơn mãi mãi, lúc ân nhân còn sống và cả lúc ân nhân đã chết. Như thế thì việc kết cấu truyện có hai con hổ không phải là trùng lặp mà đó là một cách để nâng cấp chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Hoạt động 5. Từ những phân tích trên, GV hướng HS tới kết luận chung về bài văn mà phần *Ghi nhớ* đã nêu lên.

Hoạt động 6. Kết luận cần hướng tới là : Trong nghệ thuật viết văn, không nhất thiết là viết về con hổ có nghĩa. Nhưng, viết con hổ có nghĩa cũng là một cách trực tiếp thể hiện ý đồ văn chương (ở đây là việc sử dụng biện pháp nhân cách hoá) và nếu thành công thì cũng có khả năng tăng thêm hàm ý chứa đựng trong truyện : Con vật còn có nghĩa, huống nữa là con người ! Cách nói này dễ có trọng lượng hơn cách nói : Con người thì phải có nghĩa.

Hoạt động 7. Gợi ý giải bài tập và kiểm tra.

Phần *Luyện tập* được nêu ở SGK, GV yêu cầu HS thực hành ở nhà, sau đó trong khâu kiểm tra đầu giờ học mới, có thể cho một vài HS trình bày kết quả theo hai yêu cầu :

- Báo cáo kết quả luyện tập ;
- Rèn luyện tập làm văn nói.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– "*Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập I : Truyện ngắn, Nguyễn Đăng Na (tuyển soạn và giới thiệu), NXB Giáo dục, 1997.

Tài liệu này dùng chung cho cả cụm bài *truyện trung đại*.